

Số: 180 /BC-UBND

U Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

**Về công tác lập, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch,
kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện U Minh theo Kế hoạch
số 13/KH-ĐGS ngày 10/9/2021 của Đoàn Giám sát HĐND tỉnh**

Thực hiện Công văn 5483/UBND-NNTN ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng dự thảo báo cáo. Sau khi rà soát, Ủy ban nhân dân huyện U Minh báo cáo như sau:

1. Tình hình triển khai nhiệm vụ công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020

Huyện U Minh đã thực hiện hoàn thành công tác lập quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2011-2015) được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 và Kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt đúng quy định.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020 được lập đúng quy trình và phê duyệt đúng tiến độ tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đối với việc lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm được thực hiện đúng quy định về pháp luật đất hiện hành được quy định Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Việc lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm được thực hiện đúng quy định về pháp luật đất hiện hành, cụ thể:

+ Năm 2017, theo định kỳ cuối quý IV của năm việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm sẽ được lập và trình phê duyệt. Năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tại Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 22/02/2017 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 10/4/2017.

+ Năm 2018, theo định kỳ cuối quý IV của năm việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm sẽ được lập và trình phê duyệt. Năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tại Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 16/3/2018 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 13/4/2018.

+ Năm 2019, theo định kỳ cuối quý IV của năm việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm sẽ được lập và trình phê duyệt. Năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tại Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 08/3/2019 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 26/4/2019.

+ Năm 2020, theo định kỳ cuối quý IV của năm việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm sẽ được lập và trình phê duyệt. Năm 2020, Ủy ban nhân dân huyện trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tại Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 22/01/2020 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 24/3/2020.

+ Năm 2021, theo định kỳ cuối quý IV của năm việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm sẽ được lập và trình phê duyệt. Năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tại Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 12/01/2021 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 23/4/2021.

- Việc đóng góp ý kiến của người dân đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là hết sức cần thiết. Văn bản triển khai lấy ý kiến nhân dân được ban hành đúng quy định và được sự đồng thuận cao của người dân. Khi Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt, việc công bố được tiến hành đúng quy định bằng hình thức niêm yết cả văn bản giấy và Trang thông tin điện tử của huyện. Do việc tuyên truyền Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả cao nên ý thức chấp hành của người dân trong khu vực quy hoạch rất tốt. Việc thực hiện thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đạt được sự đồng thuận cao đối với các dự án, công trình phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

2. Tình hình quản lý và kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Kế hoạch sử dụng đất được đánh giá hàng năm một cách chính xác để từ đó rút ra những nguyên nhân đạt và không đạt các chỉ tiêu đề ra, cụ thể như sau:

*** Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018**

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện U Minh. Ủy ban nhân dân huyện U Minh tiến hành công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định và triển khai thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất được duyệt. Kết quả đạt được như sau (chi tiết tại Bảng 01):

- Nhóm đất nông nghiệp

Chỉ tiêu nhóm đất nông nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 đã được UBND tỉnh phê duyệt là 68.112,99 ha, thực hiện đến năm 2018 là 68.252,85 ha. cao hơn 139,86 ha, đạt 100,21% so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do tình hình kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2018 phát triển chậm so với mục tiêu ban đầu, đã ảnh hưởng đến khả năng triển khai thực hiện các dự án, thu hút vốn đầu tư vào các công trình theo kế hoạch. Vì vậy một số công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm 2018 nhưng chưa có khả năng thực hiện phải chuyển sang năm 2019, các công trình, dự án này chủ yếu sử dụng từ đất nông nghiệp, cụ thể:

+ **Đất trồng lúa:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 35.797,13 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 21.331,98 ha, thấp hơn 14.465,15 ha, đạt tỷ lệ 59,59% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân: Thực hiện Quyết định số 723/QĐ-SNN ngày 05/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công nhận số liệu đất rừng và đất lâm nghiệp năm 2017 tỉnh Cà Mau, theo đó xác định diện tích đất trồng lúa giảm 14.523,91 ha để chuyển sang

đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất. Đồng thời, trong năm 2018 đất trồng lúa chưa chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án là 58,24 ha, cụ thể:

++ *Đất chuyên trồng lúa nước*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 8.560,92 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 5.737,39 ha, thấp hơn 2.823,53 ha, đạt tỷ lệ 67,02%. Theo KHSDĐ 2018 được duyệt đất chuyên trồng lúa không biến động mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình, dự án. Nguyên nhân chủ yếu là do thực hiện Quyết định số 723/QĐ-SNN ngày 05/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, huyện xác định giảm 2.823,53 ha để chuyển sang đất rừng sản xuất.

++ *Đất trồng lúa nước còn lại*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 27.236,21 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 15.594,59 ha, đạt 57,26%, thấp hơn 11.641,62 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do thực hiện Quyết định số 723/QĐ-SNN ngày 05/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, huyện xác định giảm giảm 11.699,86 ha đất trồng lúa nước còn lại sang đất lâm nghiệp. Đồng thời, trong năm KHSDĐ 2018 chưa chuyển 58,24 ha sang nhóm đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án như: Đất thương mại dịch vụ 0,93 ha, đất giao thông 2,50 ha, đất bãi thải, xử lý chất thải 50,0 ha, đất ở tại đô thị 0,71 ha, đất ở tại nông thôn 4,10 ha.

++ *Đất trồng cây hàng năm khác*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 92,28 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 73,10 ha, đạt 79,22%, thấp hơn 19,18ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Theo KHSDĐ 2018 được duyệt đất trồng cây hàng năm khác không biến động mục đích sử dụng đất để thực hiện công trình, dự án. Nguyên nhân chủ yếu là do thực hiện Quyết định số 723/QĐ-SNN ngày 05/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, huyện xác định giảm 19,18ha để chuyển sang đất rừng sản xuất;

++ *Đất trồng cây lâu năm*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 4.536,25 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 4.544,45 ha, cao hơn 8,20 ha, đạt tỷ lệ 100,18% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do trong năm 2018 chưa chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án như: Đất giao thông 0,70 ha, đất thủy lợi 4,58 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,25 ha, đất thương mại dịch vụ 0,28 ha, đất ở tại nông thôn 0,07 ha, và đất ở tại đô thị 0,5 ha.

++ *Đất rừng phòng hộ*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 480,17 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 610,29 ha, cao hơn 130,12 ha, đạt tỷ lệ 127,10% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do xác định lại diện tích đất trồng rừng theo quyết định số 723/QĐ-SNN ngày 05/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công nhận số liệu đất rừng và đất lâm nghiệp năm 2017 tỉnh Cà Mau.

++ *Đất rừng đặc dụng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 4.192,67 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 4.417,94 ha, cao hơn 225,27 ha, đạt tỷ lệ 105,37% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do xác định lại diện tích đất trồng rừng theo quyết định số 723/QĐ-SNN ngày 05/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công nhận số liệu đất rừng và đất lâm nghiệp năm 2017 tỉnh Cà Mau.

++ Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 22.716,90 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 37.099,89 ha, cao hơn 14.382,99 ha, đạt tỷ lệ 163,31% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa chuyển 232,7 ha đất rừng sản xuất sang nhóm đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án, gồm: Đất nông nghiệp khác 130,70 ha, đất thủy lợi 102,0 ha. Đồng thời, xác định lại diện tích đất rừng theo quyết định số 723/QĐ-SNN ngày 05/3/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công nhận số liệu đất rừng và đất lâm nghiệp năm 2017 tỉnh Cà Mau là 14.150,29 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 139,10 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 175,20 ha, đạt tỷ lệ 125,95%, cao hơn 36,10 ha so chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do chênh lệch số liệu thống kê năm 2017 và năm 2018.

+ Đất nông nghiệp khác: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 158,50 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 chưa thực hiện. Nguyên nhân do chưa có nguồn vốn thực hiện dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Khánh Lâm.

- Nhóm đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp của huyện U Minh đã được UBND tỉnh phê duyệt là 9.042,43ha, thực hiện đến năm 2018 là 8.902,57 ha, đạt tỷ lệ 98,45%, diện tích nhóm đất phi nông nghiệp còn thấp hơn 139,86 ha so với kế hoạch được phê duyệt. Cụ thể:

+ Đất quốc phòng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 1.596,25 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 1.687,06 ha, cao hơn 90,81 ha, đạt tỷ lệ 105,69% so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do chưa thu hồi 27,80 ha đất quốc phòng để thực hiện Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chưa chuyển 63,01 ha đất quốc phòng giao về địa phương quản lý theo kế hoạch đề ra.

+ Đất an ninh: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1.741,85 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 1.741,85 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt.

+ Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 210,51 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 210,51 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 26,67 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 4,16 ha, đạt tỷ lệ 15,59%, thấp hơn 22,51 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân, do trong năm 2018 các chủ đầu tư chưa thực hiện các công trình, dự án đã đăng ký như: xây dựng trụ sở Ngân hàng Agribank (0,32 ha) và quỹ đất thực hiện các công trình thương mại, dịch vụ (0,91 ha),...

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 4,91 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 4,90 ha, thấp hơn 0,01 ha, đạt tỷ lệ 99,84% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất phát triển cơ sở hạ tầng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2018 là 1.988,32 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 1.848,84 ha, đạt tỷ lệ 92,99%, thấp hơn 139,48 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Trong đó:

+ Đất giao thông: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 1.470,22 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 1.467,01 ha, đạt 99,78%, thấp hơn là 3,21 ha. Do chưa thực hiện Đường tránh chợ thị trấn U Minh.

+ *Đất thủy lợi*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 199,12 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 64,38 ha, đạt 32,33%, thấp hơn 134,74 ha. Do trong năm 2018 huyện chưa thực hiện được một số công trình, dự án như: Hồ chứa nước - dự án WB9 (102 ha) và Dự án Khu vực neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và bến cá cửa Khánh Hội (4,58 ha).

+ *Đất công trình năng lượng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2018 là 242,18 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 241,10 ha, đạt 99,56%, thấp hơn 1,08 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt.

+ *Đất công trình bưu chính viễn thông*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2018 là 1,01 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 0,94 ha, thấp hơn 0,07 ha, đạt 93,39% so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt.

+ *Đất cơ sở văn hóa*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2018 là 2,73 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 2,72 ha, đạt tỷ lệ 99,81%, thấp hơn 0,01 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt.

+ *Đất cơ sở y tế*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt có đến năm 2018 là 4,79 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 4,55 ha, đạt tỷ lệ 94,82%, thấp hơn là 0,24 ha. Nguyên nhân là do chưa thực hiện dự án mở rộng Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần (0,25 ha).

+ *Đất cơ sở giáo dục và đào tạo*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2018 là 53,77 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 53,66 ha, đạt tỷ lệ 99,79%, thấp hơn 0,11 ha. Nguyên nhân do chênh lệch số liệu thống kê năm 2017 và năm 2018.

+ *Đất cơ sở thể dục thể thao*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 5,90 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 5,90 ha, đạt tỷ lệ 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất chợ*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 8,60 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 8,58 ha, đạt tỷ lệ 99,75%, thấp hơn 0,02 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 50,20 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 0,20 ha, đạt tỷ lệ 0,39%, thấp hơn 50,00 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án Khu xử lý chất thải rắn tại xã Khánh An (50,00 ha).

+ *Đất ở tại nông thôn*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 764,08 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 760,12 ha, đạt tỷ lệ 99,48%, thấp hơn 3,96 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện hạng mục: Khu tái định cư xã Khánh Hội - thuộc Dự án nâng cấp đê biển Tây (4,00 ha) và 0,17 ha đất chưa chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân tại các xã Khánh Tiến, Khánh Hòa, Khánh Thuận và Khánh Hội. Đồng thời, chênh lệch số liệu thống kê đất đai năm 2017 và năm 2018.

+ *Đất ở tại đô thị*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 85,51 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 84,25 ha, đạt tỷ lệ 98,52%, thấp hơn 1,26 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do trong năm 2018, chưa thực hiện Khu dân cư dọc theo tuyến đường tránh chợ U Minh (0,5 ha) và Khu dân cư bờ Tây kênh xáng lộ xe sông Cái Tàu (0,71 ha).

+ *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 33,67 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 33,88 ha, đạt tỷ lệ 100,64%, cao hơn 0,21 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực

hiện dự án xây dựng trụ sở Phòng Tài nguyên và Môi trường (0,08 ha), trụ sở CN Văn phòng đăng ký đất đai U Minh (0,08 ha).

+ *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 0,35 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 0,35 ha, đạt tỷ lệ 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt đến năm 2018 là 4,28 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 4,28 ha, đạt tỷ lệ 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 34,19 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 34,19 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất sinh hoạt cộng đồng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1,61 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 1,61 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất cơ sở tín ngưỡng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1,18 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 1,18 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 2.498,85 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 2.485,19 ha, đạt 99,45%, diện tích thực hiện thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt là 13,66 ha. Nguyên nhân do xác định lại diện tích đất rừng theo quyết định số 723/QĐ-SNN, ngày 05/3/2018 của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau về việc công nhận số liệu đất rừng và đất lâm nghiệp năm 2017 tỉnh Cà Mau.

* Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018

Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện U Minh được đánh giá dựa trên diện tích các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2018 đã được UBND tỉnh phê duyệt và so sánh với diện tích hiện trạng sử dụng đất thực hiện đến cuối năm 2018. Diện tích hiện trạng sử dụng đất thực hiện đến cuối năm 2018 được xác định dựa trên cơ sở số liệu thống kê đất đai 2018, kết hợp rà soát số liệu diện tích 3 loại rừng trên địa bàn huyện U Minh với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về số liệu diện tích đất rừng theo quyết định số 723/QĐ-SNN ngày 05/3/2018 của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn. Vì vậy, để đánh giá được kết quả thực hiện được chính xác thì cần phải đánh giá được diện tích đã thực hiện so với kế hoạch đề ra. Diện tích nhóm đất nông nghiệp chưa chu chuyển qua đất phi nông nghiệp là 139,86 ha, đồng thời diện tích nhóm đất phi nông nghiệp còn chưa đạt theo kế hoạch là 139,86 ha. Đánh giá chi tiết kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018 cụ thể như sau:

Bảng 01. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được phê duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	68.112,99	68.252,85	139,86	100,21

1.1	Đất trồng lúa	LUA	35.797,13	21.331,98	-	59,59
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	8.560,92	5.737,39	-2.823,53	67,02
-	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	27.236,21	15.594,59	-	57,26
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	92,28	73,10	-19,18	79,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.536,25	4.544,45	8,20	100,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	480,17	610,29	130,12	127,10
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	4.192,67	4.417,94	225,27	105,37
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	22.716,90	37.099,89	14.382,99	163,31
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	139,10	175,20	36,10	125,95
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	158,50		-158,50	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.042,43	8.902,57	-139,86	98,45
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.596,25	1.687,06	90,81	105,69
2.2	Đất an ninh	CAN	1.741,85	1.741,85	0,00	100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	210,51	210,51	0,00	100,00
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	26,67	4,16	-22,51	15,59
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,91	4,90	-0,01	99,84
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.988,32	1.848,84	-139,48	92,99
-	Đất giao thông	DGT	1.470,22	1.467,01	-3,21	99,78
-	Đất thủy lợi	DTL	199,12	64,38	-134,74	32,33
-	Đất công trình năng lượng	DNL	242,18	241,10	-1,08	99,56
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,01	0,94	-0,07	93,39
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,73	2,72	-0,01	99,81
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,79	4,55	-0,24	94,84
-	Đất xây dựng cơ sở	DGD	53,77	53,66	-0,11	99,79

	giáo dục và đào tạo					
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,90	5,90	0,00	100,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và đào tạo	DKH				
-	Đất chợ	DCH	8,60	8,58	-0,02	99,75
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	50,20	0,20	-50,00	0,39
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	764,08	760,12	-3,96	99,48
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	85,51	84,25	-1,26	98,52
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	33,67	33,88	0,21	100,64
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,35	0,35	0,00	100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,28	4,28	0,00	100,00
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	34,19	34,19		100,00
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,61	1,61	0,00	100,00
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,18	1,18	0,00	100,00
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.498,85	2.485,19	-13,66	99,45
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD				

*** Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019**

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện U Minh. UBND huyện U Minh tiến hành công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định

và triển khai thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất được duyệt. Kết quả đạt được như sau (chi tiết tại Bảng 02):

- Nhóm đất nông nghiệp

Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã được UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt là 68.138,91 ha, kết quả thực hiện đến năm 2019 là 68.242,05 ha. Diện tích thực hiện cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 103,14 ha, đạt 100,15% so với kế hoạch được duyệt, trong đó:

+ Đất trồng lúa: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 21.230,05 ha, kết quả thực hiện là 31.181,48 ha, diện tích thực hiện cao hơn với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 9.951,43 ha, đạt tỷ lệ 146,87%. Nguyên nhân do kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã thực hiện theo Quyết định số 723/QĐ-SNN ngày 05/3/2018 của SNN và PTNT về việc công nhận số liệu đất rừng và đất lâm nghiệp năm 2017 tỉnh Cà Mau. Do đó xác định một phần diện tích đất trồng lúa giảm để chuyển sang đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất, cụ thể như sau:

+ Đất chuyên trồng lúa nước: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 5.800,40 ha, kết quả thực hiện là 5.737,39 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 63,01 ha, đạt tỷ lệ 98,91%. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án đất quốc phòng giao về sản xuất nông nghiệp.

+ Đất trồng lúa nước còn lại: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 15.429,65 ha, kết quả thực hiện là 25.444,09 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 10.014,44 ha. Nguyên nhân do kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã thực hiện Quyết định số 723/QĐ-SNN ngày 05/3/2018 của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, huyện xác định một phần diện tích đất trồng lúa nước còn lại sang đất lâm nghiệp. Đồng thời, trong năm KHSDĐ 2019 chưa chuyển 157,48 ha sang nhóm đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án như: Đất có di tích lịch sử - văn hóa 0,16 ha, đất giao thông 3,77 ha, đất bãi thải, xử lý chất thải 50,0 ha, đất thủy lợi 102,0 ha, đất ở tại đô thị 1,01 ha, đất ở tại nông thôn 0,07 ha và đất thương mại, dịch vụ 0,47 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 73,10 ha, kết quả thực hiện là 73,10 ha, đạt 100,0% chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất trồng cây lâu năm: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 4.532,46 ha, kết quả thực hiện là 4.540,96 ha, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 8,50ha, đạt tỷ lệ 100,19% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân là do trong năm 2019 chưa chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án như: Đất giao thông 0,70 ha, đất thủy lợi 4,58 ha, đất ở tại đô thị 0,10 ha, đất ở tại nông thôn 0,31 ha, đất thương mại, dịch vụ 1,78 ha và đất cơ sở tôn giáo 0,27 ha. Đồng thời chênh lệch giữa số liệu thống kê đất đai năm 2018 với kế hoạch sử dụng đất năm 2019.

+ Đất rừng phòng hộ: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 610,29 ha, kết quả thực hiện thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 135,25 ha, đạt 77,84%. Nguyên nhân là do kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã xác định lại diện tích đất trồng rừng theo quyết định số 723/QĐ-SNN, ngày 05/3/2018 của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau về việc công nhận số liệu đất rừng và đất lâm nghiệp năm 2017 tỉnh Cà Mau, kết quả hiện trạng sử dụng đất năm 2019 chưa thực hiện theo quyết định này.

+ Đất rừng đặc dụng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 4.417,94ha, kết quả thực hiện là 4.194,55 ha, thấp so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 223,40 ha, đạt 94,94%. Nguyên nhân do kế hoạch sử dụng đất năm 2019 xác định lại diện tích đất trồng rừng theo quyết định số 723/QĐ-SNN, ngày 05/3/2018 của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau về việc công nhận số liệu đất rừng và đất lâm nghiệp năm 2017 tỉnh Cà Mau, kết quả hiện trạng sử dụng đất năm 2019 chưa thực hiện theo quyết định này.

+ Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 37.099,89 ha, kết quả thực hiện là 27.601,72 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 9.498,17 ha, đạt 74,40%. Nguyên nhân do kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã xác định lại diện tích đất rừng theo quyết định số 723/QĐ-SNN, ngày 05/3/2018 của Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau về việc công nhận số liệu đất rừng và đất lâm nghiệp năm 2017, kết quả hiện trạng sử dụng đất năm 2019 chưa thực hiện theo quyết định này.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 175,18 ha, kết quả thực hiện là 175,20 ha cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 0,02 ha, đạt 100,01%. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 được phê duyệt là dự án đầu tư xây dựng khu đất gần hạt kiểm lâm.

- Nhóm đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp của huyện U Minh đã được UBND tỉnh phê duyệt là 9.016,51 ha, kết quả thực hiện là 8.913,37 ha, đạt tỷ lệ 98,86% thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt là 103,14 ha, cụ thể như sau:

+ Đất quốc phòng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1.624,05 ha, kết quả thực hiện là 1.687,06 ha, cao hơn 63,01 ha, đạt tỷ lệ 103,88% so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện chuyển 63,01 ha đất quốc phòng về địa phương quản lý theo kế hoạch đề ra.

+ Đất an ninh: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1.742,03 ha, kết quả thực hiện là 1.741,85 ha thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 0,18 ha, đạt 99,99%. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án Đồn công an Khu-công nghiệp Khí - Điện - Đạm Cà Mau và Trụ sở công an xã Khánh Tiến.

+ Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 210,45 ha, kết quả thực hiện là 210,51 ha cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 0,06 ha, đạt 100,03%. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án đầu tư xây dựng cảng nhập nguyên liệu công suất 500.000 tấn/năm của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 6,87 ha, kết quả thực hiện là 4,21 ha, đạt tỷ lệ 61,27%, thấp hơn 22,51 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân, do trong năm 2019 các chủ đầu tư chưa thực hiện các công trình, dự án đã đăng ký như: Cửa hàng xăng dầu số 13 của Công ty xăng dầu Cà Mau, Cửa hàng xăng dầu U Minh của Công ty Cổ phần xăng dầu-Dầu khí Bạc Liêu, ...

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 4,90 ha, kết quả thực hiện là 4,90 ha, đạt tỷ lệ 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất phát triển cơ sở hạ tầng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1.962,86 ha, kết quả thực hiện là 1.851,80 ha, đạt tỷ lệ 94,34%, thấp hơn 111,06 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Trong đó:

+ Đất giao thông: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1.471,78 ha, kết quả thực hiện là 1.467,31ha, đạt 99,70%, thấp hơn là 4,47 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện Đường tránh chợ thị trấn U Minh, Tuyến đường số 01 khu Trung tâm hành chính huyện, Tuyến đường số 02 khu Trung tâm hành chính huyện và Đường Tác Thủ - Đá Bạc.

+ Đất thủy lợi: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 170,96 ha, kết quả thực hiện là 64,38 ha, đạt 37,66%, thấp hơn 106,58 ha. Nguyên nhân do chưa thực hiện được một số công trình, dự án như: Hồ chứa nước - dự án WB9 (102ha) và Dự án Khu vực neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và bến cá cửa Khánh Hội (4,58ha).

+ Đất công trình năng lượng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 242,21 ha, kết quả thực hiện là 241,21 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt.

++ Đất công trình bưu chính viễn thông: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 0,95 ha, kết quả thực hiện là 0,94 ha, đạt 98,95% thấp hơn 0,01ha so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án Bưu điện huyện U Minh.

+ Đất cơ sở văn hóa: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 2,72 ha, kết quả thực hiện là 2,72 ha, đạt tỷ lệ 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt.

+ Đất cơ sở y tế: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 7,10 ha, kết quả thực hiện là 7,10 ha, đạt tỷ lệ 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 53,44 ha, kết quả thực hiện là 53,66 ha, đạt tỷ lệ 100,41%, thấp hơn 0,22 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chênh lệch hiện trạng sử dụng đất năm 2019 với kết quả kế hoạch sử dụng đất năm 2019 được phê duyệt.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 5,90 ha, kết quả thực hiện là 5,90 ha, đạt tỷ lệ 100,00% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất chợ: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 8,80 ha, kết quả thực hiện là 8,58 ha, đạt tỷ lệ 99,50%, thấp hơn 0,22 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án Đấu giá khu đất Trường Mầm Non Hương Tràm làm Chợ tự tiêu tự sản.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 50,20 ha, kết quả thực hiện là 0,20 ha, đạt tỷ lệ 0,39%, thấp hơn 50,00 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án Khu xử lý chất thải rắn tại xã Khánh An.

+ Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 769,02 ha, kết quả thực hiện là 767,67 ha, đạt tỷ lệ 99,82%, thấp hơn 1,35 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện hạng chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân một số tuyến đường trên địa bàn xã Khánh Tiến, Khánh Thuận, Khánh Hòa.

+ Đất ở tại đô thị: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 85,48 ha, kết quả thực hiện là 84,49 ha, đạt tỷ lệ 98,84%, thấp hơn 0,99 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do trong năm 2019, chưa thực hiện Dự án khu dân cư kênh xáng lộ xe bò Tây sông Cái Tàu 0,71 ha, Đấu giá khu đất phía sau

Trường MN Hương Tràm 0,40 ha và Đâu giá khu đất gần Hạt Kiểm Lâm 0,02 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 33,47 ha, kết quả thực hiện là 33,88 ha, đạt tỷ lệ 101,22%, cao hơn 0,41 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chênh lệch số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2019 với số liệu kế hoạch sử dụng đất năm 2019 được phê duyệt.

+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 0,35 ha, kết quả thực hiện đạt tỷ lệ 100% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở tôn giáo: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 4,58 ha, kết quả thực hiện là 4,28 ha, đạt tỷ lệ 93,45% thấp hơn 0,30 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chênh lệch số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2019 với số liệu kế hoạch sử dụng đất năm 2019 được phê duyệt.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 34,19 ha, kết quả thực hiện là 34,19 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1,61 ha, kết quả thực hiện là 1,61 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất cơ sở tín ngưỡng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1,18 ha, thực hiện đến cuối năm 2018 là 1,18 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 2.485,11 ha, kết quả thực hiện là 2.485,19 ha, đạt 100,0%, cao hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được phê duyệt là 0,08 ha. Nguyên nhân do chưa thực hiện dự án đầu tư xây dựng cảng nhập nguyên liệu công suất 500.000 tấn/năm của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau.

Trên cơ sở số liệu thống kê đất đai năm 2018 và kết quả năm 2019 UBND huyện U Minh đã triển khai việc thu hồi đất, giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch đã được phê duyệt trong năm kế hoạch. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất huyện U Minh năm 2019 được thể hiện như sau

Bảng 02. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được phê duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	68.138,91	68.242,05	103,14	100,15
1.1	Đất trồng lúa	LUA	21.230,05	31.181,48	9.951,43	146,87
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	5.800,40	5.737,39	-63,01	98,91
-	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	15.429,65	25.444,09	10.014,44	164,90
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	73,10	73,10		100,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.532,46	4.540,96	8,50	100,19
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	610,29	475,04	-135,25	77,84
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	4.417,94	4.194,55	-223,40	94,94
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37.099,89	27.601,72	-9.498,17	74,40
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	175,18	175,20	0,02	100,01

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được phê duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.016,51	8.913,37	-103,14	98,86
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.624,05	1.687,06	63,01	103,88
2.2	Đất an ninh	CAN	1.742,03	1.741,85	-0,18	99,99
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	210,45	210,51	0,06	100,03
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,87	4,21	-2,66	61,27
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,90	4,90		100,00
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.962,86	1.851,80	-111,06	94,34
-	Đất giao thông	DGT	1.471,78	1.467,31	-4,47	99,70
-	Đất thủy lợi	DTL	170,96	64,38	-106,58	37,66
-	Đất công trình năng lượng	DNL	241,21	241,21		100,00
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,95	0,94	-0,01	98,95
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,72	2,72		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,10	7,10		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	53,44	53,66	0,22	100,41
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,90	5,90		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và đào tạo	DKH				
-	Đất chợ	DCH	8,80	8,58	-0,22	97,50
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,16		-0,16	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	50,20	0,20	-50,00	0,39
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	769,02	767,67	-1,35	99,82
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	85,48	84,49	-0,99	98,84
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	33,47	33,88	0,41	101,22
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,35	0,35		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,58	4,28	-0,30	93,45
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	34,19	34,19		100,00
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,61	1,61		100,00
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,18	1,18		100,00
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.485,11	2.485,19	0,08	100,00
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được phê duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
3	Đất chưa sử dụng	CSD				

*** Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020**

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện U Minh. UBND huyện U Minh tiến hành công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định và triển khai thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất được duyệt. Kết quả đạt được như sau (chi tiết tại Bảng 03):

- Nhóm đất nông nghiệp

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 68.066,66 ha, dự kiến giảm 182,31 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất nông nghiệp là 68.756,65 ha, cao hơn 689,99 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 101,01 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch giảm 182,31 ha, nhưng thực hiện tăng 507,68 ha. Nguyên nhân: chủ yếu do thiếu vốn đầu tư các công trình đất phi nông nghiệp, nên đất nông nghiệp không giảm theo kế hoạch; đồng thời do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể từng loại đất như sau:

+ **Đất trồng lúa:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 23.165,56 ha, dự kiến giảm 162,72 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất trồng lúa là 25.535,40 ha, cao hơn 2.369,84 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 110,23 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch giảm 162,72 ha, nhưng thực hiện tăng 2.207,12 ha. Nguyên nhân:

+ Đất trồng lúa giảm 8,23 ha (đạt 5,06 % so với kế hoạch) để thực hiện: Dự án xây dựng cầu bắc ngang sông Cái Tàu, thị trấn U Minh; Dự án Khu tái định cư xã Khánh Hội (thuộc Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đê Biển Tây tỉnh Cà Mau); Đường Tắc Thủ - Đá Bạc; Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông (bà) Nguyễn Vũ - Khánh Tiến; Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông (bà) Lê Văn Toàn - Nguyễn Phích; Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông (bà) Lâm Quốc Thống - Khánh Hội.

+ Đất trồng lúa tăng 2.215,36 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020) tại các xã - thị trấn: TT. U Minh tăng 178,16 ha; Khánh Hòa tăng 1.613,88 ha; Khánh Thuận giảm 1.180,52 ha; Khánh Tiến tăng 2.107,65 ha; Nguyễn Phích giảm 414,52 ha; Khánh Lâm giảm 1.085,58 ha; Khánh An tăng 915,47 ha; Khánh Hội tăng 80,82 ha.

+ **Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 8.552,12 ha. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất chuyên trồng lúa nước là 4.527,82 ha, thấp hơn 4.024,30 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 52,94 %. Theo kế hoạch đất chuyên trồng lúa nước tăng 63,01 ha (dự án đất quốc phòng giao về sản xuất nông nghiệp), nhưng lại giảm 3.961,29 ha. Nguyên nhân do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã: Khánh Thuận giảm 283,23

ha; Nguyễn Phích giảm 1.552,54 ha; Khánh Lâm giảm 2.181,89 ha; Khánh An giảm 901,45 ha; Khánh Hội tăng 957,82 ha.

+ **Đất trồng cây hàng năm khác:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 92,28 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất trồng cây hàng năm khác là 163,86 ha, cao hơn 71,58 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 177,57 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch năm 2020 đất trồng cây hàng năm khác không biến động, nhưng kết quả thực hiện lại tăng 71,58 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể xã Khánh An tăng 71,58 ha.

+ **Đất trồng cây lâu năm:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 6.667,14 ha, dự kiến giảm 48,97 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất trồng cây lâu năm là 4.559,17 ha, thấp hơn 2.107,97 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 68,38 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch giảm 48,97 ha, nhưng thực hiện giảm 2.156,95 ha. Nguyên nhân do:

+ Đất trồng cây lâu năm giảm 1,71 ha (đạt tỷ lệ 3,49 % kế hoạch đề ra) do thực hiện các công trình: Dự án xây dựng cầu bắc ngang sông Cái Tàu thị trấn U Minh; Dự án đầu tư xây dựng trạm quan trắc nước dưới đất – Khánh Hòa; Cửa hàng xăng dầu Đăng Khôi – Nguyễn Phích; Trường Mầm non Bông Hồng (Giao đất và cấp giấy) – Khánh Hội.

+ Đất trồng cây lâu năm giảm 2.155,25 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã, thị trấn: TT. U Minh giảm 132,72 ha; Khánh Hòa giảm 94,90 ha; Khánh Thuận giảm 56,80 ha; Khánh Tiến giảm 55,10 ha; Nguyễn Phích giảm 818,92 ha; Khánh Lâm giảm 30,84 ha; Khánh An giảm 910,78 ha; Khánh Hội giảm 55,18 ha.

+ **Đất rừng phòng hộ:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 479,54 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất rừng phòng hộ là 557,15 ha, cao hơn 77,61 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 116,18 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Theo kế hoạch diện tích đất rừng phòng hộ không biến động, nhưng kết quả thực hiện lại tăng 77,61 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã: Khánh Tiến giảm 2,35 ha; Khánh Hội tăng 79,96 ha.

+ **Đất rừng đặc dụng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 4.192,68 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất rừng đặc dụng là 4.340,35 ha, cao hơn 147,68 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 103,52 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Theo kế hoạch diện tích đất rừng đặc dụng không biến động, nhưng kết quả thực hiện lại tăng 147,68 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã: Khánh Lâm tăng 53,84 ha; Khánh An tăng 93,84 ha.

+ **Đất rừng sản xuất:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 32.768,47 ha, dự kiến giảm 137,70 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất rừng sản xuất là 33.374,11 ha, cao hơn 605,64 ha so với kế hoạch

năm 2020, đạt 101,85 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Theo kế hoạch giảm 137,70 ha, nhưng thực hiện tăng 467,94 ha. Nguyên nhân :

+ Đất rừng sản xuất giảm 3,00 ha (đạt 2,18 % so với kế hoạch đề ra) do thực hiện công trình Dự án nuôi heo nái 2.400 con của Công ty TNHH Hải Hòa – Khánh An.

+ Đất rừng sản xuất tăng 470,94 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã: Khánh Hòa giảm 1.397,64 ha; Khánh Thuận tăng 1.407,61 ha; Khánh Tiến giảm 2.057,10 ha; Nguyễn Phích tăng 1.421,24 ha; Khánh Lâm tăng 1.171,55 ha; Khánh An giảm 74,73 ha.

Theo kế hoạch sử dụng đất 2020, các dự án đến nay chưa hiện: Dự án trồng rừng nguyên liệu xã Khánh Thuận 160,39 ha.

+ **Đất nuôi trồng thủy sản:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 518,79 ha, dự kiến giảm 15,12 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất nuôi trồng thủy sản là 58,12 ha, thấp hơn 460,67 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 11,20 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch giảm 15,12 ha, nhưng thực hiện giảm 475,79 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã, thị trấn: TT. U Minh giảm 46,09 ha; Khánh Hòa giảm 115,97 ha; Khánh Thuận giảm 150,00 ha; Nguyễn Phích giảm 184,73 ha; Khánh An tăng 21,14 ha; Khánh Hội giảm 0,14 ha.

+ **Đất nông nghiệp khác:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 182,20 ha, dự kiến tăng 182,20 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất nông nghiệp khác là 168,49 ha, giảm 13,71 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 92,48 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch tăng 182,20 ha, nhưng thực hiện tăng 168,49 ha, đạt 92,48 %. Nguyên nhân:

+ Đất nông nghiệp khác tăng 3,00 ha (đạt 1,65 % so với kế hoạch) do thực hiện công trình Dự án nuôi heo nái 2.400 con của Công ty TNHH Hải Hòa – xã Khánh An.

+ Đất nông nghiệp khác tăng 165,49 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã: Khánh Lâm tăng 141,00 ha; Khánh An tăng 24,49 ha.

Theo kế hoạch sử dụng đất 2020, các dự án đến nay chưa hiện: Dự án Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Khánh Lâm) 158,50 ha; Chuyển mục đích sử dụng đất Dự án chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Khánh An) 4,00 ha; Chuyển mục đích sử dụng đất Khu thực nghiệm ứng dụng khoa học, công nghệ cho hệ sinh thái ngọt sang mục đích nghiên cứu, sản xuất thủy sản ứng dụng công nghệ cao (Khánh An) 16,70 ha.

- Nhóm đất phi nông nghiệp

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 9.088,76 ha, dự kiến tăng 182,31 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất phi nông nghiệp là 8.342,35 ha, thấp hơn 746,41 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 91,79 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT) . Kế hoạch tăng 182,31 ha, nhưng thực hiện giảm 564,09 ha. Nguyên nhân: do thiếu vốn đầu tư; các nhà đầu tư chưa thực hiện theo cam kết nên các công trình sử dụng đất phi nông nghiệp chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt. Đồng thời, do kiểm kê đất đai

năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã, thị trấn: TT. U Minh giảm 0,52 ha; Khánh Hòa tăng 4,25 ha; Khánh Thuận giảm 31,38 ha; Khánh Tiến giảm 3,17 ha; Nguyễn Phích tăng 4,93 ha; Khánh Lâm giảm 256,15 ha; Khánh An giảm 97,29 ha; Khánh Hội giảm 112,27 ha. Trong đó:

+ **Đất quốc phòng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 1.624,05 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất quốc phòng là 1.337,32 ha, thấp hơn 286,73 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 82,34 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch giảm 63,01 ha nhưng thực hiện giảm 349,74 ha, đạt 555,05 %. Nguyên nhân: đất quốc phòng giảm 349,74 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã, thị trấn: TT. U Minh giảm 1,49 ha; Khánh Hòa giảm 0,05 ha; Khánh Thuận giảm 0,04 ha; Khánh Tiến tăng 0,98 ha; Nguyễn Phích giảm 0,05 ha; Khánh Lâm giảm 224,34 ha; Khánh Hội giảm 124,74 ha.

Thực chất dự án đất quốc phòng giao về sản xuất nông nghiệp 63,01 - Khánh Hội chưa thực hiện về mặt pháp lý nhưng hiện trạng đã được kiểm kê vào loại đất lúa nên đất quốc phòng đã giảm theo kế hoạch, đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch đề ra.

+ **Đất an ninh:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 1.741,89 ha, dự kiến tăng 0,04 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất an ninh là 1.649,24 ha, thấp hơn 92,65 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 94,68 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch tăng 0,04 ha, nhưng kết quả thực hiện lại giảm 92,61 ha. Nguyên nhân do:

+ Đất an ninh tăng 0,04 ha (đạt 100,00 % kế hoạch đề ra) do thực hiện công trình Trụ sở công an xã Khánh Tiến.

+ Đất an ninh giảm 92,65 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã, thị trấn: TT. U Minh giảm 0,01 ha; Khánh Lâm tăng 0,05 ha; Khánh An giảm 92,70 ha.

+ **Đất khu công nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 210,51 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất khu công nghiệp là 235,86 ha, cao hơn 25,34 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 112,04 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch năm 2020 đất khu công nghiệp không biến động, nhưng kết quả thực hiện lại tăng 25,34 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở xã Khánh An tăng 25,34 ha.

+ **Đất thương mại, dịch vụ:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 11,13 ha, dự kiến tăng 6,92 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất thương mại, dịch vụ là 6,71 ha, thấp hơn 4,42 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 60,31 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch tăng 6,92 ha nhưng thực hiện tăng 2,50 ha, đạt tỷ lệ 36,18 %. Nguyên nhân:

+ Đất thương mại dịch vụ tăng 0,26 ha đạt tỷ lệ 3,76 % kế hoạch đề ra do đã thực hiện các công trình Cửa hàng xăng dầu Đăng Khôi - Nguyễn Phích; Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông (bà) Lê Văn Toàn - Nguyễn Phích;

Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông (bà) Nguyễn Vũ - Khánh Tiến; Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông (bà) Lâm Quốc Thống - Khánh Hội; Cửa hàng Xăng dầu Thúy Đào (Xin thuê đất 0,04 ha) – Khánh Hội.

+ Đất thương mại dịch vụ tăng 2,24 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã, thị trấn: TT. U Minh giảm 0,01 ha; Khánh Thuận giảm 0,02; Khánh Tiến giảm 0,01 ha; Nguyễn Phích giảm 0,10 ha; Khánh Lâm tăng 0,39 ha; Khánh An tăng 1,61 ha; Khánh Hội tăng 0,38 ha.

+ **Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 4,90 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 4,55 ha, thấp hơn 0,35 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 92,85% (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch năm 2020 đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không biến động, nhưng thực hiện giảm 0,35 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở TT. U Minh tăng 0,06 ha; Khánh Lâm giảm 0,32 ha; Khánh An giảm 1,13 ha; Khánh Hội tăng 1,03 ha.

+ **Đất phát triển hạ tầng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 1.994,36 ha, dự kiến tăng 142,67 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất phát triển hạ tầng là 1.835,47 ha, thấp hơn 158,89 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 92,03% (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch năm 2020 đất phát triển hạ tầng tăng 142,67 ha, nhưng thực hiện giảm 16,22 ha. Cụ thể từng loại đất như sau:

+ **Đất cơ sở văn hóa:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 2,72 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất cơ sở văn hóa là 2,85 ha, cao hơn 0,12 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 104,58% (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch năm 2020 đất cơ sở văn hóa không biến động, nhưng thực hiện tăng 0,12 ha. Nguyên nhân: chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở TT. U Minh tăng 0,14 ha; Khánh Lâm giảm 0,02 ha.

+ **Đất cơ sở y tế:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 7,10 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất cơ sở y tế là 4,54 ha, thấp hơn 2,56 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 63,94% (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch sử dụng đất năm 2020, đất cơ sở y tế không biến động, nhưng thực hiện giảm -2,56 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở TT. U Minh tăng 0,52 ha; Khánh Hòa tăng 0,08 ha; Khánh Thuận giảm 0,22 ha; Khánh Tiến tăng 0,03 ha; Khánh Lâm giảm 0,09 ha; Khánh An giảm 2,69 ha; Khánh Hội giảm 0,19 ha.

+ **Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 54,39 ha, dự kiến tăng 0,73 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất cơ sở giáo dục và đào tạo là 46,97 ha, thấp hơn -7,42 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 86,37% (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-

BTNMT). Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đất giáo dục và đào tạo tăng 0,73 ha, nhưng thực hiện giảm 6,68 ha. Nguyên nhân:

+ Đất cơ sở giáo dục và đào tạo tăng 0,73 ha (đạt tỷ lệ 100,00 % so với kế hoạch đề ra) do: đã thực hiện công trình Trường Mầm non Bông Hồng tại xã Khánh Hội (Giao đất và cấp giấy), đất cơ sở giáo dục và đào tạo tăng 1,00 ha. Đồng thời đất cơ sở giáo dục và đào tạo giảm 0,27 ha do đấu giá khu đất Trường Mầm Non Hương Tràm làm Chợ tự tiêu tự sản (0,22 ha, thị trấn U Minh) và Công trình cấp nước tập trung nông thôn chợ Vàm Cái Tàu (DGD: 0,05 ha, Khánh An) đã thực hiện.

+ Đất cơ sở giáo dục và đào tạo giảm 7,41 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở TT. U Minh giảm 1,15 ha; Khánh Hòa tăng 0,05 ha; Khánh Thuận tăng 0,10 ha; Khánh Tiến giảm 0,56 ha; Nguyễn Phích giảm 0,62 ha; Khánh Lâm tăng 0,49 ha; Khánh An giảm 6,93 ha; Khánh Hội tăng 1,19 ha.

+ **Đất cơ sở thể dục thể thao:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 5,90 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất cơ sở thể dục thể thao là 6,07 ha, cao hơn 0,17-ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 102,85 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch sử dụng đất năm 2020, đất cơ sở thể dục, thể thao không biến động nhưng thực hiện tăng 0,17 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở TT. U Minh giảm 0,01 ha; Khánh Hòa tăng 0,23 ha; Nguyễn Phích giảm 0,05 ha.

+ **Đất giao thông:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 1.473,63 ha, dự kiến tăng 6,32 ha. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất giao thông là 1.377,44 ha, thấp hơn 96,19 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 93,47 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đất giao thông tăng 6,32 ha, nhưng thực hiện giảm 89,87 ha. Nguyên nhân do:

++ Đất giao thông tăng 1,88 ha (đạt tỷ lệ 29,75 % so với kế hoạch đề ra) do thực hiện các công trình Dự án xây dựng cầu bắc ngang sông Cái Tàu, thị trấn U Minh; Đường Tắc Thủ - Đá Bạc.

++ Đất giao thông giảm 91,75 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở TT. U Minh tăng 0,82 ha; Khánh Hòa tăng 4,59 ha; Khánh Thuận giảm 24,23 ha; Khánh Tiến tăng 2,50 ha; Nguyễn Phích tăng 4,27 ha; Khánh Lâm giảm 14,75 ha; Khánh An giảm 63,93 ha; Khánh Hội giảm 1,02 ha.

Theo kế hoạch sử dụng đất 2020, chưa thực hiện gồm: Đường tránh chợ thị trấn U Minh; Tuyến đường số 01 khu Trung tâm hành chính huyện; Tuyến đường số 02 khu Trung tâm hành chính huyện;

+ **Đất thủy lợi:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 187,20 ha, dự kiến tăng 122,82 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất thủy lợi là 98,79 ha, thấp hơn 88,41 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 52,77 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 đất thủy lợi tăng 122,82 ha, nhưng thực hiện tăng 34,41 ha. Nguyên nhân:

++ Đất thủy lợi tăng 34,41 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở xã Khánh Tiến tăng 35,20 ha; Khánh Hội giảm 0,79 ha.

++ Các công trình đất thủy lợi chưa thực hiện được theo kế hoạch đề ra như dự án Đối ứng Tiểu dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đề phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL-ICRSL"; Khu vực neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh; Bờ kè chống sạt lở tại cửa biển Hương Mai; Hạng mục: Mương thoát nước thải sinh hoạt từ khu dân cư ra kênh Hương Mai và 02 đoạn đường đấu nối từ khu dân cư vào đê biển Tây, thuộc diêm dân cư vàm kênh Hương Mai, thuộc dự án Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây.

+ **Đất công trình năng lượng:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2020 là 253,67 ha, dự kiến tăng 12,57 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất công trình năng lượng là 289,97 ha, cao hơn 36,30 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 114,31 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch năm 2020 đất công trình năng lượng tăng 12,57 ha, nhưng thực hiện tăng 48,87 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở xã Khánh An tăng 48,87 ha.

Theo kế hoạch sử dụng đất 2020, chưa thực hiện gồm: Nhà máy điện gỗ Khánh An; Đường dây 220 kV Cà Mau 2 - Năm Căn; Công trình đường dây 110KV mạch 2 từ Trạm 220KV Cà Mau - An Xuyên.

+ **Đất công trình bưu chính, viễn thông:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 0,95 ha, dự kiến tăng 0,01 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất công trình bưu chính, viễn thông là 1,31 ha, cao hơn 0,36 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 137,39 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch năm 2020 đất công trình bưu chính, viễn thông tăng 0,01 ha, nhưng thực hiện tăng 0,37 ha. Nguyên nhân chủ yếu do:

++ Đất công trình bưu chính viễn thông tăng 0,01 ha (đạt tỷ lệ 100,00 % kế hoạch đề ra) do đã thực hiện công trình Bưu điện huyện U Minh – Khánh Hội.

++ Đất công trình bưu chính viễn thông tăng 0,36 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở TT. U Minh giảm 0,01 ha; Khánh Thuận tăng 0,04; Khánh Tiến tăng 0,13 ha; Khánh Lâm tăng 0,02 ha; Khánh An tăng 0,18 ha.

+ **Đất chợ:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 8,80 ha, dự kiến tăng 0,22 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất chợ là 7,52 ha, thấp hơn 1,28 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 85,47 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch năm 2020 đất chợ tăng 0,22 ha, nhưng thực hiện giảm 1,06 ha. Nguyên nhân chủ yếu do:

++ Đất chợ tăng 0,22 ha (đạt tỷ lệ 100,00 % kế hoạch đề ra) do đã thực hiện công trình Đầu giá khu đất Trường Mầm Non Hương Tràm làm Chợ tự tiêu tự sản – TT. U Minh.

++ Đất chợ giảm 1,28 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở

TT. U Minh giảm 0,23 ha; Nguyễn Phích giảm 0,84 ha; Khánh An tăng 1,02 ha; Khánh Hội giảm 1,23 ha.

+ **Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2020 là 0,18 ha, dự kiến tăng 0,18 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất có di tích lịch sử - văn hóa thấp hơn 0,18 ha so với kế hoạch năm 2020 (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Nguyên nhân: do công trình Di tích nơi ở và làm việc của đồng chí Võ Văn Kiệt – Khánh Hòa chưa thực hiện theo kế hoạch, nên kết quả thực hiện còn thấp.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2020 là 50,20 ha, dự kiến tăng 50,00 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất bãi thải, xử lý chất thải là 0,20 ha, thấp hơn 50,00 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 0,39 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Nguyên nhân: do công trình Khu xử lý chất thải rắn xã Khánh An chưa thực hiện theo kế hoạch, nên kết quả thực hiện còn thấp.

+ **Đất ở tại nông thôn:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 792,93 ha, dự kiến tăng 32,07 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất ở tại nông thôn là 764,10 ha, thấp hơn 28,83 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 96,36 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch tăng 32,07 ha nhưng thực hiện tăng 3,24 ha. Nguyên nhân do:

++ Đất ở tại nông thôn tăng 6,79 ha (đạt tỷ lệ 21,17 % so với kế hoạch) do thực hiện công trình Dự án Khu tái định cư xã Khánh Hội (thuộc Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đê Biển Tây tỉnh Cà Mau) – đất ở tại nông thôn tăng 6,81 ha; Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông (bà) Lâm Quốc Thống và Bưu điện huyện U Minh xã Khánh Hội – đất ở tại nông thôn giảm 0,02 ha.

++ Đất ở tại nông thôn giảm 3,55 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã: Khánh Hòa tăng 0,12 ha; Khánh Thuận giảm 1,14 ha; Khánh Tiến giảm 0,18 ha; Nguyễn Phích tăng 0,21 ha; Khánh Lâm tăng 0,03 ha; Khánh An giảm 8,85 ha; Khánh Hội tăng 6,28 ha.

+ **Đất ở tại đô thị:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 97,99 ha, dự kiến tăng 13,50 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất ở tại đô thị là 85,40 ha, thấp hơn 12,59 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 87,16 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch tăng 13,50 ha nhưng thực tăng 0,91 ha. Nguyên nhân do các dự án đất ở chưa thực hiện theo kế hoạch đề ra vì chưa có vốn đầu tư, ngoài ra các công trình bán đấu giá đất còn chưa thực hiện được theo kế hoạch. Đồng thời do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở TT. U Minh tăng 0,91 ha.

+ **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 33,47 ha, dự kiến giảm 0,41 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất xây dựng trụ sở cơ quan là 29,73 ha, thấp hơn 3,74 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 88,82 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch sử dụng đất năm 2020, đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,41 ha, nhưng thực hiện giảm 4,15 ha. Nguyên nhân do:

++ Đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 0,04 ha (đạt tỷ lệ 9,76 % so với kế hoạch) do thực hiện Trụ sở công an xã Khánh Tiến.

++ Đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 4,11 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã, thị trấn: TT. U Minh tăng 0,01 ha; Khánh Hòa giảm 0,22 ha; Khánh Thuận tăng 0,05 ha; Khánh Tiến giảm 0,10 ha; Nguyễn Phích giảm 2,66 ha; Khánh Lâm giảm 0,49 ha; Khánh An giảm 2,27 ha; Khánh Hội tăng 1,57 ha.

+ **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2020 là 0,40 ha, dự kiến tăng 0,05 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 3,55 ha, cao hơn 3,15 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 885,22 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Kế hoạch sử dụng đất năm 2020, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp tăng 0,05 ha, nhưng thực hiện tăng 3,20 ha. Nguyên nhân do:

++ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp tăng 0,05 ha (đạt tỷ lệ 100,00 % so với kế hoạch) do thực hiện Công trình cấp nước tập trung nông thôn chợ Vàm Cái Tàu – Khánh An; Dự án đầu tư xây dựng trạm quan trắc nước dưới đất – xã Khánh Hòa.

++ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp tăng 3,15 ha do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã, thị trấn: TT. U Minh tăng 0,21 ha; Nguyễn Phích tăng 2,70 ha; Khánh Lâm tăng 0,13 ha; Khánh An tăng 0,05 ha; Khánh Hội tăng 0,05 ha.

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** Kế hoạch sử dụng đất được duyệt năm 2020 là 4,58 ha, dự kiến tăng 0,30 ha so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất cơ sở tôn giáo là 4,68 ha, cao hơn 0,10 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 102,19 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020, đất cơ sở tôn giáo tăng 0,30 ha, nhưng thực hiện tăng 0,40 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã: Khánh Hòa giảm 0,20 ha; Nguyễn Phích tăng 0,60 ha.

Thực chất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020, đất cơ sở tôn giáo không biến động do công trình Ban trị sự phật giáo Hòa Hảo – xã Khánh Hòa chưa thực hiện.

+ **Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 34,19 ha. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 34,19 ha, bằng so với kế hoạch được duyệt.

+ **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 1,61 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất sinh hoạt cộng đồng là 4,13 ha, cao hơn 2,52 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 256,52 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020, đất sinh hoạt cộng đồng không biến động, nhưng thực hiện tăng 2,52 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã: Khánh Hòa tăng 0,45 ha; Khánh Thuận tăng 0,29 ha;

Khánh Tiến tăng 0,29 ha; Nguyễn Phích tăng 0,13 ha; Khánh Lâm tăng 0,19 ha; Khánh An tăng 1,13 ha; Khánh Hội tăng 0,04 ha.

+ **Đất cơ sở tín ngưỡng** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 1,18 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất cơ sở tín ngưỡng là 1,13 ha, thấp hơn 0,05 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 95,83 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020, đất cơ sở tín ngưỡng không biến động, nhưng thực hiện giảm 0,05 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở xã Khánh Tiến giảm 0,05 ha.

+ **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được duyệt là 2.485,19 ha, dự kiến không biến động so với hiện trạng. Qua thực hiện kế hoạch, đến nay đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 2.346,10 ha, thấp hơn 139,09 ha so với kế hoạch năm 2020, đạt 94,40 % (đánh giá theo Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT). Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2020, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối không biến động, nhưng thực hiện giảm 139,09 ha. Nguyên nhân chủ yếu do kiểm kê đất đai năm 2019 chênh lệch so với hiện trạng năm 2019 (đầu vào của kế hoạch sử dụng đất năm 2020). Cụ thể ở các xã, thị trấn: TT. U Minh tăng 0,22 ha; Khánh Hòa giảm 0,70 ha; Khánh Thuận giảm 6,43 ha; Khánh Tiến giảm 41,40 ha; Nguyễn Phích tăng 1,33 ha; Khánh Lâm giảm 17,48 ha; Khánh An giảm 79,60 ha; Khánh Hội tăng 4,98 ha.

- Nhóm đất chưa sử dụng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 không có đất chưa sử dụng. Qua thực hiện kế hoạch, diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn huyện là 490,31 ha, tăng 490,31 ha so với kế hoạch sử dụng đất năm 2020. Diện tích này do chủ yếu từ kết quả kiểm kê đất đai năm 2019. Cụ thể ở các xã, thị trấn: TT. U Minh tăng 0,43 ha; Khánh Tiến tăng 282,41 ha; Khánh An tăng 30,00 ha; Khánh Hội tăng 177,47 ha.

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 được tính toán, phân tích trên cơ sở so sánh số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 so với kế hoạch sử dụng năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau phê duyệt. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 như sau:

Bảng 03: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch 2020 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(3)/(4) *100%
	Tổng diện tích tự nhiên		77.155,42	77.589,31	433,89	100,56
1	Đất nông nghiệp	NNP	68.066,66	68.756,65	689,99	101,01
1.1	Đất trồng lúa	LUA	23.165,56	25.535,40	2.369,84	110,23
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>8.552,12</i>	<i>4.527,82</i>	<i>-4.024,30</i>	<i>52,94</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	92,28	163,86	71,58	177,57

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch 2020 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.667,14	4.559,17	-2.107,97	68,38
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	479,54	557,15	77,61	116,18
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	4.192,68	4.340,35	147,68	103,52
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	32.768,47	33.374,11	605,64	101,85
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	518,79	58,12	-460,67	11,20
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	182,20	168,49	-13,71	92,48
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.088,76	8.342,35	-746,41	91,79
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.624,05	1.337,32	-286,73	82,34
2.2	Đất an ninh	CAN	1.741,89	1.649,24	-92,65	94,68
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	210,51	235,86	25,34	112,04
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				#DIV/0
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,13	6,71	-4,42	60,31
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,90	4,55	-0,35	92,85
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.994,36	1.835,47	-158,89	92,03
2.9.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,72	2,85	0,12	104,58
2.9.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,10	4,54	-2,56	63,94
2.9.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	54,39	46,97	-7,42	86,37
2.9.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,90	6,07	0,17	102,85
2.9.5	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
2.9.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
2.9.7	Đất giao thông	DGT	1.473,63	1.377,44	-96,19	93,47
2.9.8	Đất thủy lợi	DTL	187,20	98,79	-88,41	52,77
2.9.9	Đất công trình năng lượng	DNL	253,67	289,97	36,30	114,31
2.9.10	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,95	1,31	0,36	137,39
2.9.11	Đất chợ	DCH	8,80	7,52	-1,28	85,47
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,18		-0,18	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	50,20	0,20	-50,00	0,39
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	792,93	764,10	-28,83	96,36
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	97,99	85,40	-12,59	87,16
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	33,47	29,73	-3,74	88,82
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,40	3,55	3,15	885,22

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch 2020 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,58	4,68	0,10	102,19
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	34,19	34,19		100,00
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,61	4,13	2,52	256,52
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,18	1,13	-0,05	95,83
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.485,19	2.346,10	-139,09	94,40
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD		490,31	490,31	
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN				
5	Đất khu kinh tế*	KKT				
6	Đất đô thị*	KDT	1.832,89	1.832,67	-0,22	99,99

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

3. Đánh giá chung

a) Về thuận lợi, kết quả đạt được

Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thực hiện đúng trình tự quy định.

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã hoàn thành, đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định. Quỹ đất được phân bổ hợp lý cho các ngành, đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả; tạo điều kiện cho các dự án đầu tư được triển khai, hình thành các vùng sản xuất tập trung nhằm khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh đất đai ở từng vùng. Nhìn chung việc lập và điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013 là phù hợp nhu cầu sử dụng đất cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

b) Những khó khăn, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

Việc lập Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện có đôi khi chính sát với nhu cầu sử dụng đất thực tế của các ngành, lĩnh vực, chưa thật sự phù hợp với khả năng đầu tư, huy động nguồn lực.

Còn xảy ra tình trạng đăng ký nhu cầu sử dụng đất nhưng không thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tình trạng này làm ảnh hưởng đến nhu cầu sử dụng đất của các nhà đầu tư thực hiện các dự án khác.

c) Đề xuất, kiến nghị những giải pháp để khắc phục khó khăn, hạn chế, tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã qua

Việc lập Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phải dựa trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất thực tế trong năm của các ngành, lĩnh vực, của các cấp, phù hợp với khả năng đầu tư, huy động nguồn lực, Kế hoạch sử dụng

đất phải xác định quy mô, diện tích, vị trí thửa đất để làm căn cứ thu hồi đất và để tránh tình trạng tranh chấp, chồng chéo, một thửa đất có nhiều mục đích sử dụng thì việc xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đến từng thửa đất là rất quan trọng.

Về thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã được quy định tại Điều 59 Luật Đất đai năm 2013, trong đó, UBND cấp tỉnh và cấp huyện được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo từng trường hợp cụ thể; đối với điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư quy định tại Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 là để Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ kiểm soát các công trình, dự án phục vụ mục đích quốc phòng an ninh hoặc các dự án đặc biệt, cấp thiết do Chính phủ quyết định, các dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có nhu cầu sử dụng quỹ đất lớn, kiểm soát năng lực của nhà đầu tư, tránh tình trạng đăng ký nhu cầu sử dụng đất nhưng không thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, ảnh hưởng đến nhu cầu để thực hiện các dự án khác.

4. Tình hình triển khai nhiệm vụ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

Đến nay, Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được lập hoàn chỉnh tất cả các hồ sơ để trình thẩm định. Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thẩm định và đóng góp ý kiến, UBND huyện đã có báo cáo tiếp thu ý kiến và hoàn chỉnh các đóng góp trình phê duyệt đúng quy định.

Trên đây là kết quả công tác lập, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện U Minh (theo Kế hoạch số 13/KH-ĐGS ngày 10/9/2021 của Đoàn Giám sát HĐND tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện U Minh báo cáo Đoàn Giám sát HĐND tỉnh xem xét. /g

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT. HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- TT. HĐND huyện;
- Lưu: VT, (Nhân).



Lê Hồng Thịnh